



The Holy See

TÔNG THƯ

PATRIS CORDE

CỦA ĐỨC GIÁO HOÀNG PHANXICÔ

NHÂN KỶ NIỆM 150 NĂM
TÔN VINH THÁNH GIUSE
LÀ BỔN MẠNG HỘI THÁNH

VỚI TRÁI TIM CỦA NGƯỜI CHA: đó là cách mà Thánh Giuse yêu thương Chúa Giêsu, Đấng mà cả bốn sách Phúc âm đều gọi là *"con của ông Giuse"*. [\[1\]](#)

Matthêu và Luca, hai Thánh sử nói nhiều nhất về thánh Giuse, lại kể rất ít, nhưng cũng đủ để chúng ta thấy được ngài là người cha như thế nào và Chúa quan phòng đã giao phó cho ngài sứ mệnh gì.

Chúng ta biết rằng thánh Giuse là một người thợ mộc đơn sơ (x. Mt 13,55), đã đính hôn với Đức Maria (x. Mt 1,18; Lc 1,27). Ngài là "người công chính" (Mt 1,19), luôn sẵn sàng thi hành thánh ý Thiên Chúa như đã được mặc khải trong Lễ Luật (x. Lc 2,22.27.39) và trong bốn giấc mơ (x. Mt 1,20; 2: 13.19.22). Sau chuyến hành trình dài và mệt nhọc từ Nadarét đi Bêlem, ngài được chứng kiến Đấng Mêsia sinh ra trong chuồng bò, vì "không có chỗ cho họ" trong quán trọ (x. Lc 2,7). Ngài đã chứng kiến các mục đồng (x. Lc 2,8-20) và các đạo sĩ (x. Mt 2, 1-12) đến thờ lạy Chúa, họ là những người đại diện cho dân Israel và các dân ngoại.

Thánh Giuse đã can đảm trở thành người cha của Chúa Giêsu theo lẽ luật, Đấng mà ngài đã đặt cho cái tên được mặc khải qua sứ thần báo trước: "Ông hãy đặt tên cho Người là Giêsu, vì Người sẽ cứu dân Người khỏi tội" (Mt 1,21). Như chúng ta biết, đối với các dân tộc cổ đại, đặt tên cho một người hoặc một sự vật, như Adam đã làm trong trình thuật ở Sách Sáng thế (x. 2,19-20), là để thiết lập một mối tương quan.

Bốn mươi ngày sau khi Chúa Giêsu sinh ra, Thánh Giuse và Mẹ Maria đã dâng con mình cho

Chúa trong Đền thờ, và ngạc nhiên lắng nghe lời tiên tri của ông Simeon về Chúa Giêsu và Mẹ Người (x. *Lc* 2,22-35). Để bảo vệ Chúa Giêsu thoát khỏi tay Hêrôđê, Thánh Giuse đã sang Ai Cập sống như một người ngoại kiều (x. *Mt* 2,13-18). Sau khi trở về quê hương, ngài sống ẩn dật ở ngôi làng Nadarét nhỏ bé và ít người biết đến thuộc xứ Galilê, cách xa Bêlem, là ngôi làng của tổ tiên ngài, và cách xa cả Giêrusalem và Đền thờ. Người ta nói về Nadarét rằng “Không có ngôn sứ nào xuất thân từ đây” (x. *Ga* 7,52) và quả thật, “Ở Nadarét nào có chi hay!” (x. *Ga* 1,46). Trong cuộc hành hương lên Giêrusalem, Thánh Giuse và Mẹ Maria đã lạc mất Chúa Giêsu khi ấy mười hai tuổi, họ lo lắng đi tìm và gặp thấy Người trong Đền thờ, đang trao đổi với các tiến sĩ Luật (x. *Lc* 2,41 -50).

Sau Đức Maria, Mẹ Thiên Chúa, không có vị thánh nào được nhắc đến thường xuyên trong huấn quyền của Giáo hoàng hơn Thánh Giuse, bạn trăm năm của Mẹ. Các vị tiền nhiệm của tôi đã suy tư về sứ điệp trong thông tin giới hạn được các sách Phúc Âm ghi lại để đánh giá đầy đủ hơn vai trò trung tâm của Thánh Giuse trong lịch sử cứu độ. Chân phước Piô IX đã tôn vinh Thánh Giuse là “Bổn mạng Hội Thánh”, [2] Đáng đáng kính Piô XII gọi ngài là “Bổn mạng của người lao động” [3] và Thánh Gioan Phaolô II tuyên xưng ngài là “Đấng bảo vệ Chúa Cứu Thế”. [4] Thánh Giuse được mọi người kêu cầu là “Bổn mạng kẻ mong sinh thì”. [5]

Giờ đây, một trăm năm mươi năm sau khi Chân phước Piô IX công bố Thánh Giuse là Bổn mạng Hội Thánh (ngày 8 tháng 12 năm 1870), tôi muốn chia sẻ một vài suy tư cá nhân về dung mạo phi thường này, thật gần gũi với kinh nghiệm của con người chúng ta. Vì, như Chúa Giêsu đã nói, “lòng đầy miệng mới nói ra” (*Mt* 12,34). Mong muốn ấy của tôi càng thêm mãnh liệt trong những tháng đại dịch này, khi chúng ta cảm nghiệm, giữa cuộc khủng hoảng, rằng “cuộc sống của chúng ta được đan dệt với nhau và được nâng đỡ nhờ những con người bình thường - những người thường bị quên lãng, - họ không xuất hiện trên báo chí, hay trong những chương trình truyền hình mới nhất, nhưng ngay trong những ngày này, chắc chắn họ đang làm nên những biến cố quan trọng của lịch sử chúng ta. Các bác sĩ, y tá, các chủ cửa hiệu và nhân viên siêu thị, nhân viên vệ sinh, người chăm sóc người già và bệnh nhân, công nhân vận chuyển, những người cung cấp các dịch vụ thiết yếu và an ninh công cộng, các tình nguyện viên, các linh mục, nam nữ tu sĩ, và rất nhiều người khác. Họ hiểu rằng không ai được cứu một mình... Có biết bao người hằng ngày vẫn kiên nhẫn gieo niềm hy vọng, lo sao để không gieo rắc hoảng loạn nhưng gieo vãi tinh thần đồng trách nhiệm. Có biết bao người cha, người mẹ, ông bà, thầy cô, chỉ cho con cái chúng ta – qua những cách thức nhỏ bé hằng ngày – cách thức đón nhận và đương đầu với khủng hoảng, bằng cách điều chỉnh các thói quen, ngược mắt lên cao và khích lệ cầu nguyện. Có biết bao người cầu nguyện, dâng những hy sinh và chuyển cầu cho thiện ích của tất cả mọi người”. [6] Mỗi người chúng ta đều có thể khám phá rằng Thánh Giuse – một người chẳng được để ý – vẫn hiện diện hằng ngày cách âm thầm kín đáo, để cầu thay nguyện giúp, trợ giúp và hướng dẫn chúng ta khi gặp khó khăn. Thánh Giuse nhắc nhở chúng ta rằng những ai ẩn mình hay sống trong bóng tối có thể đóng một vai trò không thể sánh được trong lịch sử cứu độ. Tất cả những người ấy đều đáng được nhìn nhận và biết ơn.

1. Một người cha yêu thương

Sự vĩ đại của Thánh Giuse ở chỗ ngài là bạn trăm năm của Đức Maria và là cha của Chúa Giêsu. Như thế, theo lời Thánh Gioan Kim khẩu, Thánh Giuse đã tự đặt mình “phục vụ toàn bộ kế hoạch cứu rỗi”. [7]

Thánh Phaolô VI đã chỉ ra rằng Thánh Giuse đã thể hiện một cách cụ thể vai trò làm cha của mình “bằng cách biến cuộc đời mình trở thành của lễ hy sinh phục vụ mẫu nhiệm nhập thể cùng với sứ vụ cứu thế. Thánh Giuse dùng quyền hạn hợp pháp của mình đối với Thánh Gia để cống hiến hết mình cho các ngài trong cuộc sống và công việc của mình. Ngài đã biến ơn gọi sống tình yêu gia đình của phàm nhân thành sự dâng hiến siêu phàm chính mình, trái tim và tất cả khả năng của mình, một tình yêu được dành để phục vụ Đấng Mêsia đang lớn lên trong mái ấm của ngài”. [8]

Vì vai trò của ngài trong lịch sử cứu độ, Thánh Giuse luôn được các Kitô hữu tôn kính là cha. Điều này được thể hiện qua vô số nhà thờ dâng kính ngài trên khắp thế giới, nhiều học viện tôn giáo, hội đoàn và các nhóm giáo hội lấy cảm hứng từ linh đạo của Thánh Giuse và mang tên ngài, cùng với nhiều cách bày tỏ lòng đạo đức truyền thống cũng tôn vinh ngài. Vô số các thánh nam nữ đã rất sùng kính ngài. Trong số đó có Thánh Têrêsa Avila, đã chọn Thánh Giuse làm đáng bên vực và cầu thay cho mình, đã thường xuyên đến với ngài và bất cứ ơn nào xin với Thánh Giuse đều được toại nguyện. Được khích lệ bởi kinh nghiệm của chính mình, Thánh Têrêsa còn thuyết phục những người khác cũng vun trồng lòng sùng kính đối với Thánh Giuse. [9]

Sách kinh nào cũng có những kinh cầu nguyện với Thánh Giuse. Có những kinh đặc biệt cầu cùng Thánh Giuse vào các ngày thứ Tư và nhất là trong tháng Ba, theo truyền thống được dành để kính Thánh Giuse. [10]

Lòng tín thác của mọi người vào Thánh Giuse được thể hiện trong câu “*Hãy đến cùng Giuse*”, gọi lại nạn đói ở Ai Cập, khi người Ai Cập xin Pharaô cho họ bánh ăn. Ông trả lời: “*Hãy đến cùng Giuse; và hãy làm những gì ông ấy bảo*” (St 41,55). Pharaô muốn nói đến Giuse, con của Jacob, là người đã bị anh em mình bán làm nô lệ do lòng ghen tị (x. St 37,11-28) và là người – theo lời Kinh thánh – sau đó trở thành phó vương Ai Cập (x. St 41,41-44).

Thánh Giuse thuộc dòng dõi vua Đavít (x. Mt 1, 16-20), là cội rễ mà từ đó Chúa Giêsu sẽ sinh ra theo lời hứa đã được tiên tri Nathan báo cho Đavít (x. 2 Sm 7), và là bạn trăm năm của Đức Maria thành Nadarét, như thế Thánh Giuse tượng trưng cho mối liên hệ giữa Cựu ước và Tân ước.

2. Một người cha dịu dàng và yêu thương

Thánh Giuse đã chứng kiến Chúa Giêsu lớn lên từng ngày “về khôn ngoan, vóc dạng và ân sủng, trước mặt Thiên Chúa và trước mặt người ta” (Lc 2,52). Như Thiên Chúa đã làm với Israel, Thánh

Giuse cũng đã làm với Chúa Giêsu: “ngài dạy bước đi, cầm lấy tay; đối xử như một người cha nâng đứa trẻ lên tận má mình, cúi xuống và cho ăn” (x. Hs 11,3-4).

Nơi Thánh Giuse, Chúa Giêsu đã nhìn thấy tình yêu dịu dàng của Thiên Chúa: “Như người cha yêu thương con cái mình, Chúa xót thương những ai kính sợ Người” (Tv 103, 13).

Trong hội đường, khi cầu nguyện bằng Thánh vịnh, chắc chắn Thánh Giuse đã nghe đi nghe lại nhiều lần rằng Thiên Chúa của Israel là Thiên Chúa chạnh lòng thương, [11] là Đấng nhân hậu với tất cả mọi người, Đấng “nhân từ hơn tất cả những gì Ngài đã làm”. (Tv 145,9).

Lịch sử cứu độ được hoàn thành “trong hy vọng dù không còn hy vọng” (Rm 4,18), qua những yếu đuối của chúng ta. Chúng ta thường nghĩ rằng Thiên Chúa chỉ hoạt động qua những mặt tốt của chúng ta, nhưng hầu hết các kế hoạch của Ngài đều được thực hiện qua các yếu đuối của chúng ta và bất chấp sự yếu đuối ấy. Vì vậy, Thánh Phaolô mới nói: “Để cho tôi khỏi tự cao tự đại, thân xác tôi như bị một cái dằm đâm vào, một thủ hạ của Satan được sai đến để hành hạ tôi, để cho tôi khỏi huênh hoang. Đã ba lần tôi xin Chúa cho thoát khỏi điều này, rằng nó sẽ rời bỏ tôi, nhưng Người bảo tôi: ‘Ơn Ta đủ cho con, vì quyền năng của Ta được biểu lộ trọn vẹn trong sự yếu đuối’” (2 Cr 12,7-9).

Vì đây là một phần của toàn bộ kế hoạch cứu độ, chúng ta phải học cách nhìn vào những yếu đuối của mình với lòng thương xót dịu dàng. [12]

Kẻ Ác khiến chúng ta thấy được và lên án sự yếu đuối của chúng ta, trong khi Thánh Thần đưa nó ra ánh sáng bằng tình yêu dịu dàng. Sự dịu dàng là cách tốt nhất để chạm vào sự yếu đuối bên trong chúng ta. Chỉ tay và phán xét người khác thường là dấu hiệu của việc không thể chấp nhận sự yếu đuối, sự mong manh của bản thân chúng ta. Chỉ có tình yêu dịu dàng mới cứu chúng ta thoát khỏi cạm bẫy của kẻ tố cáo (x. Kh 12,10). Đó là lý do tại sao việc gặp gỡ lòng thương xót của Thiên Chúa, đặc biệt là trong bí tích Hòa giải, nơi chúng ta cảm nghiệm được sự thật và lòng dịu dàng của Ngài là điều rất quan trọng. Nghịch lý thay, Kẻ Ác cũng có thể nói sự thật với chúng ta, nhưng hấn làm vậy chỉ để lên án chúng ta. Chúng ta biết rằng sự thật của Thiên Chúa không lên án, nhưng đón nhận, ôm lấy chúng ta, nâng đỡ và tha thứ cho chúng ta. Sự thật ấy luôn được bày tỏ cho chúng ta như người cha nhân hậu trong dụ ngôn của Chúa Giêsu (x. Lc 15,11-32). Sự thật ấy đến gặp chúng ta, phục hồi phẩm giá của chúng ta, nâng chúng ta dậy và vui mừng vì chúng ta, vì như người cha đã nói: “Con trai ta đã chết và nay sống lại; nó đã mất và nay được tìm thấy” (câu 24).

ÝChúa, lịch sử và kế hoạch của Ngài vẫn hoạt động, ngay cả qua nỗi sợ hãi của Thánh Giuse. Vì thế, Thánh Giuse dạy chúng ta rằng đức tin vào Thiên Chúa cũng là tin rằng Ngài có thể hành động cả khi chúng ta sợ hãi, mỏng manh và yếu đuối. Ngài cũng dạy chúng ta rằng giữa những thử thách của cuộc đời, chúng ta đừng bao giờ sợ để Chúa dẫn lối cho chúng ta. Đôi khi, chúng ta muốn kiểm soát mọi sự, nhưng Thiên Chúa luôn nhìn thấy bức tranh toàn cảnh hơn.

3. Một người cha vâng phục

Như đã thực hiện nơi Đức Maria, Thiên Chúa cũng mạc khải kế hoạch cứu độ của Ngài cho Thánh Giuse. Thiên Chúa đã làm như vậy bằng cách dùng những giấc mơ, mà trong Kinh thánh và trong tất cả các dân tộc cổ đại, được coi là một cách để cho biết ý muốn của Ngài. [13]

Thánh Giuse vô cùng bối rối trước việc mang thai lạ lùng của Đức Maria. Ngài không muốn “công khai tố giác bà”, [14] nên đã quyết định “lặng lẽ rời bỏ bà” (Mt 1,19).

Trong giấc mơ đầu tiên, một sứ thần giúp ngài giải quyết tình huống khó xử nghiêm trọng: “Đừng ngại nhận Maria làm vợ, vì đứa trẻ được thụ thai trong lòng bà là do Chúa Thánh Thần. Bà sẽ sinh một con trai, và ông sẽ đặt tên là Giêsu, vì Người sẽ cứu dân Người khỏi tội” (Mt 1,20-21). Thánh Giuse đáp lại ngay: “Khi Giuse vừa thức giấc, ông đã làm theo lời sứ thần Chúa truyền” (Mt 1,24). Thái độ vâng phục đã giúp Thánh Giuse vượt qua khó khăn và cứu được Đức Maria.

Trong giấc mơ thứ hai, sứ thần bảo Thánh Giuse: “Hãy trở dậy, đem Hài nhi và mẹ Người trốn sang Ai Cập, và cứ ở đó cho đến khi ta nói lại; vì Hêrôđê sắp lùng bắt Hài nhi để giết đi” (Mt 2,13). Thánh Giuse đã không ngần ngại vâng lời, bất kể khó khăn gian khổ: “Ngài trở dậy trong đêm, đưa Hài nhi và mẹ Người đi Ai Cập, và ở đó cho đến khi Hêrôđê qua đời” (Mt 2,14-15).

Ở Ai Cập, Thánh Giuse kiên nhẫn chờ sứ thần báo tin có thể trở về nhà an toàn. Trong giấc mơ thứ ba, sứ thần cho ngài biết những kẻ tìm giết Hài nhi đã chết và truyền cho ngài trở dậy, đem Hài nhi và mẹ Người trở về đất Israel (x. Mt 2,19-20). Một lần nữa, Thánh Giuse lại mau mắn vâng lời. “Ông trở dậy, đưa Hài nhi và mẹ trở về đất Israel” (Mt 2,21).

Trên đường trở về, “khi Giuse nghe tin Archelaô lên làm vua xứ Giuđê thay cho cha mình là Hêrôđê, thì ông sợ không dám về đó. Được cảnh báo trong giấc mơ” – đây là lần thứ tư – “ông lui về miền Galilê. Ở đó, ngài lập cư tại một thành gọi là Nadarét” (Mt 2,22-23).

Còn thánh sử Luca cho chúng ta biết rằng Thánh Giuse đã trải qua cuộc hành trình dài và vất vả từ Nadarét đến Bêlem để ghi tên vào sổ bộ nơi nguyên quán của gia đình mình trong cuộc điều tra dân số của Hoàng đế Cêsarê Augustô. Chúa Giêsu đã được sinh ra trong hoàn cảnh đó (x. Lc 2,7) và được ghi vào sổ bộ của Đế quốc Rôma, giống như mọi đứa trẻ khác. Thánh Luca đặc biệt quan tâm kể lại việc cha mẹ của Chúa Giêsu đã tuân giữ tất cả các quy định của Luật: nghi thức cắt bì cho Chúa Giêsu, nghi thức thanh tẩy cho Đức Maria sau khi sinh con, nghi thức dâng con đầu lòng cho Thiên Chúa (x. 2,21-24). [15]

Trong mọi hoàn cảnh, Thánh Giuse đều nói lời “fiat” của chính mình, cũng như khi Đức Maria được sứ thần truyền tin và như Chúa Giêsu trong Vườn Cây Dầu.

Trong vai trò là chủ gia đình, thánh Giuse đã dạy Chúa Giêsu vâng lời cha mẹ (x. Lc 2,51), theo

lệnh truyền của Chúa (x. Xh 20,12).

Trong những năm sống ẩn dật ở Nadarét, Chúa Giêsu đã học ở trường học của thánh Giuse để làm theo ý của Chúa Cha. Ý của Chúa Cha là lương thực hằng ngày của Người (x. Ga 4,34). Ngay cả khi gặp khó khăn nhất, trong Vườn Cây Dầu, Chúa Giêsu cũng đã chọn làm theo ý muốn của Đức Chúa Cha hơn là ý muốn của mình, [16] trở nên “vâng lời cho đến chết, thậm chí chết trên thập tự giá” (Pl 2,8). Vì thế, tác giả Thư gửi người Do Thái kết luận rằng Chúa Giêsu “đã học biết vâng phục qua những gì Người phải chịu” (5,8).

Tất cả những điều này cho thấy rõ rằng “Thánh Giuse đã được Thiên Chúa kêu gọi để trực tiếp phục vụ con người và sứ mệnh của Chúa Giêsu qua việc thực thi chức vụ làm cha” và như thế, “khi thời gian viên mãn, ngài đã cộng tác vào mầu nhiệm cứu độ cao cả và thực sự là một thừa tác viên của ơn cứu độ”. [17]

4. Một người cha chấp nhận

Thánh Giuse đã chấp nhận Đức Maria một cách vô điều kiện. Ngài tin vào lời sứ thần đã nói. “Sự cao thượng của tâm hồn Thánh Giuse là ở chỗ những gì ngài học được từ lề luật thì ngài đã sống theo tình bác ái. Ngày nay, trong thế giới của chúng ta, nơi mà bạo lực tinh thần, ngôn từ và thân xác đối với phụ nữ đã quá rõ ràng, thì Thánh Giuse trở thành hình ảnh của một người đàn ông biết tôn trọng và tinh tế. Mặc dù không hiểu rõ mọi chuyện, nhưng ngài vẫn quyết định bảo vệ danh thơm tiếng tốt, phẩm giá và cuộc sống của Mẹ Maria. Khi ngài còn do dự không biết nên làm gì, Thiên Chúa đã soi sáng để giúp ngài quyết định”. [18]

Trong cuộc sống, vẫn có những điều xảy ra mà chúng ta không hiểu được ý nghĩa. Phản ứng đầu tiên của chúng ta thường là thất vọng và nổi loạn. Thánh Giuse đã gạt bỏ ý riêng của mình để chấp nhận các sự kiện xảy đến và, dù các sự kiện ấy xem ra gây hoang mang, ngài vẫn đón nhận, nhận trách nhiệm và biến chúng thành một phần lịch sử của chính mình. Nếu chúng ta không hòa hợp với lịch sử của chính mình, chúng ta sẽ không thể đi tiếp, vì chúng ta sẽ luôn là con tin cho những kỳ vọng và những thất vọng theo sau.

Con đường thiêng liêng mà Thánh Giuse vạch ra cho chúng ta không phải là con đường *giải thích*, mà là con đường *chấp nhận*. Chỉ khi nào biết chấp nhận và giao hoà như thế, chúng ta mới có thể bắt đầu nhìn thấy một lịch sử bao quát hơn, một ý nghĩa sâu sắc hơn. Dường như chúng ta nghe vọng lại câu trả lời thật sâu sắc của ông Gióp với người vợ, bà đã xúi giục ông phản kháng vì những điều ác mà ông phải gánh chịu: “Chúng ta nhận được điều tốt từ tay Thiên Chúa, sao chúng ta lại không nhận điều bất hạnh?” (G 2,10).

Chắc chắn Thánh Giuse không cam chịu một cách thụ động, nhưng chủ động một cách can đảm và vững vàng. Trong cuộc sống của chúng ta, việc chấp nhận và đón nhận có thể là một biểu hiện của ơn Sức Mạnh của Chúa Thánh Thần. Chỉ có Chúa mới có thể ban cho chúng ta sức mạnh cần

thiết để chấp nhận cuộc sống như nó vốn thế, với tất cả những mâu thuẫn, nản lòng và thất vọng của nó.

Chúa Giêsu đến ở giữa chúng ta, đó là một ơn của Chúa Cha, giúp mỗi người chúng ta có thể hòa hợp với lịch sử cụ thể của đời mình, cả khi chúng ta không hiểu được hoàn toàn.

Cũng như Chúa đã nói với Thánh Giuse: “Hỡi Con vua Đavít, đừng sợ!” (Mt 1,20), dường như Ngài cũng nói với chúng ta: “Đừng sợ!” Chúng ta cần gạt bỏ mọi tức giận và thất vọng để đón nhận mọi thứ như chúng vốn thế, cả khi chúng không diễn ra như chúng ta mong muốn. Không phải là đành chịu mà đầy hy vọng và can đảm. Như thế, chúng ta sẽ mở ra với một ý nghĩa sâu sắc hơn. Cuộc sống của chúng ta sẽ được tái sinh một cách kỳ diệu nếu chúng ta can đảm sống theo Phúc Âm. Sẽ chẳng có vấn đề gì nếu mọi thứ dường như đã tòi tẽ hoặc có điều gì không sửa chữa được nữa. Chúa có thể làm cho hoa mọc lên từ đá. Ngay cả khi lòng chúng ta kết án chúng ta, “Thiên Chúa lớn hơn lòng chúng ta, và Ngài biết mọi sự” (1 Ga 3,20).

Ở đây, một lần nữa, chúng ta gặp lại chủ nghĩa hiện thực Kitô giáo vốn không phủ nhận những gì hiện hữu. Thực tại, trong tính phức tạp bí ẩn và không thể giải thích của nó, có một ý nghĩa hiện sinh, với tất cả ánh sáng và bóng tối của nó. Thế nên Tông đồ Phaolô mới nói: “Chúng ta biết rằng Thiên Chúa làm cho mọi sự đều sinh ích cho những ai yêu mến Người” (Rm 8,28). Thánh Augustinô nói thêm, “ngay cả cái được gọi là sự dữ (*etiam illud quod malum dicitur*)”. [19] Theo góc nhìn rộng hơn này, đức tin mang lại ý nghĩa cho mọi biến cố, dù vui hay buồn.

Chúng ta cũng đừng bao giờ nghĩ rằng tin có nghĩa là tìm ra các giải pháp dễ dàng và an ủi. Đức tin mà Chúa Kitô đã dạy chúng ta là những gì chúng ta thấy nơi Thánh Giuse. Ngài không tìm kiếm những lối tắt, mà mở rộng đôi mắt để đối mặt với thực tế và nhận trách nhiệm cá nhân về điều ấy.

Thái độ của Thánh Giuse khuyến khích chúng ta chấp nhận và đón nhận người khác như họ vốn có, không có ngoại lệ, và quan tâm đặc biệt đến những người yếu đuối, vì Thiên Chúa chọn những gì yếu đuối (x. 1 Cr 1,27). Thiên Chúa là “Cha kẻ mồ côi và là Đấng che chở những người góa bụa” (Tv 68,6), Ngài truyền cho chúng ta phải yêu thương người xa lạ ở giữa chúng ta. [20] Tôi thích nghĩ rằng chính từ Thánh Giuse, Chúa Giêsu đã có cảm hứng để kể câu chuyện dụ ngôn người con hoang đàng và người cha nhân hậu (x. Lc 15,11-32).

5. Một người cha có lòng can đảm đầy sáng tạo

Nếu giai đoạn đầu tiên của mọi chữa lành nội tâm thực sự là chấp nhận lịch sử cá nhân của chúng ta và chấp nhận cả những gì trong cuộc sống mà chúng ta đã không chọn lấy, thì nay chúng ta phải thêm một yếu tố quan trọng khác: lòng can đảm đầy sáng tạo. Lòng can đảm này thể hiện đặc biệt trong cách chúng ta đối phó với những khó khăn. Đối mặt với khó khăn, chúng ta có thể đầu hàng và bỏ cuộc hay nhập cuộc cách nào đó. Đôi khi, khó khăn làm bật ra những nguồn lực

mà chúng ta thậm chí không nghĩ rằng mình đang có.

Khi đọc các bài tường thuật thời thơ ấu của Chúa Giêsu, có lẽ chúng ta thường thắc mắc tại sao Thiên Chúa không hành động một cách trực tiếp và rõ ràng hơn. Nhưng Thiên Chúa lại hành động qua các biến cố và qua con người. Thánh Giuse là người được Chúa chọn để hướng dẫn giai đoạn khởi đầu của lịch sử cứu chuộc. Ngài là “đầu lạ” thực sự mà Chúa dùng để cứu hài nhi Giêsu và mẹ của Người. Thiên Chúa đã hành động qua thái độ tin tưởng vào lòng can đảm đầy sáng tạo của Thánh Giuse. Khi đến Bêlem và không tìm được chỗ cho Đức Maria sinh con, Thánh Giuse đã chuẩn bị một cái chuồng bò và làm hết sức có thể để biến nó thành ngôi nhà chào đón Con Thiên Chúa đến thế gian (x. *Lc 2, 6-7*). Trước nguy cơ sắp xảy ra là Hêrôđê muốn giết Hài nhi Giêsu, một lần nữa trong giấc mơ, thánh Giuse đã được báo mộng để bảo vệ Hài nhi, và nửa đêm thức dậy chuẩn bị trốn sang Ai Cập (x. *Mt 2, 13-14*).

Khi đọc lướt qua những câu chuyện này có thể chúng ta thường có cảm tưởng rằng thế giới được phó mặc cho những kẻ mạnh và kẻ có quyền, nhưng “tin mừng” của Phúc âm là ở chỗ cho thấy rằng, bất chấp thói kiêu ngạo và bạo lực của các quyền lực thế gian, Chúa luôn tìm ra cách thực hiện kế hoạch cứu độ của Ngài. Cuộc sống của chúng ta vậy, đôi khi xem ra bị phó mặc trong tay kẻ có quyền, nhưng Tin Mừng cho chúng ta thấy điều gì mới là đáng giá. Thiên Chúa luôn tìm ra cách để cứu chúng ta, miễn là chúng ta thể hiện lòng can đảm đầy sáng tạo như người thợ mộc thành Nadarét, người có thể biến vấn đề thành khả năng bằng cách luôn tin tưởng vào sự quan phòng của Thiên Chúa.

Nếu có lúc dường như Chúa không giúp chúng ta, thì chắc chắn không có nghĩa là chúng ta bị bỏ rơi, mà là chúng ta đang được Chúa tin tưởng để tự mình lên kế hoạch, sáng tạo và tìm ra giải pháp.

Lòng can đảm đầy sáng tạo đó đã được những người bạn của người bại liệt thể hiện, họ đã dỡ mái nhà hạ anh xuống để đưa anh đến với Chúa Giêsu (x. *Lc 5, 17-26*). Khó khăn đã không ngăn cản được sự mạnh dạn và kiên trì của những người bạn đó. Họ tin chắc rằng Chúa Giêsu có thể chữa lành cho anh, và bởi “không tìm được cách nào để đưa anh ta vào vì đám đông dân chúng, họ đã trèo lên mái nhà và thả anh xuống cùng với chiếc giường vào giữa đám đông đang ở trước mặt Chúa Giêsu. Nhìn thấy đức tin của họ, Chúa Giêsu nói: “Này bạn, tội lỗi của bạn đã được tha” (câu 19-20). Chúa Giêsu nhìn nhận đức tin sáng tạo mà nhờ đó họ đã tìm cách đưa người bạn đau yếu đến với Ngài.

Phúc Âm không cho chúng ta biết Đức Maria, Thánh Giuse và Hài nhi ở lại Ai Cập bao lâu. Tuy nhiên, chắc chắn các ngài cần phải có cái ăn, có một mái nhà và có việc làm. Chẳng cần phải tưởng tượng nhiều cũng thấy được những chi tiết đó. Thánh Gia đã phải đối mặt với những vấn đề cụ thể như mọi gia đình khác, giống như rất nhiều anh chị em di dân của chúng ta, là những người ngày nay cũng phải liều mạng để thoát khỏi bất hạnh và đói khát. Về khía cạnh này, tôi coi Thánh Giuse là Đấng bảo trợ đặc biệt của tất cả những ai buộc phải rời bỏ quê hương vì chiến tranh, hận

thù, đàn áp và nghèo đói.

Ở cuối mỗi câu chuyện mà thánh Giuse là nhân vật chính, Phúc Âm kể lại rằng ngài trời dậy, ẵm lấy Hài nhi và cùng với Mẹ Người làm như Thiên Chúa đã truyền (x. Mt 1,24; 2,14.21). Thật vậy, Chúa Giêsu và Đức Maria Mẹ Người là kho tàng đức tin quý giá nhất của chúng ta. [21]

Trong kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa, Chúa Con không tách rời khỏi Đức Maria Mẹ của Người, Đấng đã “tiến bước trong cuộc lữ hành đức tin, trung thành hợp nhất với Con cho đến tận bên chân Thập giá”. [22]

Chúng ta cần luôn xét xem, liệu chúng ta có đang bảo vệ Chúa Giêsu và Mẹ Maria hay không, vì các Ngài cũng được trao phó cho trách nhiệm của chúng ta một cách mầu nhiệm, để chăm sóc và giữ gìn. Con của Đấng Toàn Năng đã đến trần gian của chúng ta trong tình trạng thật yếu đuối mỏng giòn. Ngài cần được Thánh Giuse che chở, bảo vệ, chăm sóc và nuôi nấng. Thiên Chúa đã tin cậy Thánh Giuse, cả Đức Maria cũng thế, Mẹ là người đã thấy nơi Thánh Giuse một người không chỉ cứu mạng mình mà còn luôn chăm lo cho mình và con của mình nữa. Theo nghĩa này, Thánh Giuse không khác gì Đấng Bảo vệ Hội Thánh, vì Hội Thánh là sự tiếp nối Nhiệm Thể Chúa Kitô trong lịch sử, cũng như tư cách làm mẹ của Đức Maria được phản ánh trong tư cách Mẹ của Hội Thánh. [23] Khi tiếp tục bảo vệ Hội Thánh, Thánh Giuse tiếp tục bảo vệ *Hài nhi và mẹ Người*, và cả chúng ta nữa, khi yêu mến Giáo hội, là chúng ta tiếp tục yêu *Hài nhi Giêsu và mẹ Người*.

Hài nhi ấy là Đấng sẽ nói: “Điều người đã làm cho một trong những người nhỏ bé nhất trong gia đình của Ta đây, là làm cho chính Ta” (Mt 25,40). Vì vậy, tất cả những ai nghèo khổ, thiếu thốn, đau khổ hay đang hấp hối, tất cả những ai là người xa lạ, tù nhân hay bệnh nhân đều là “hài nhi” mà Thánh Giuse tiếp tục bảo vệ. Bởi thế, Thánh Giuse được kêu cầu như Đấng che chở cho người bất hạnh, người túng thiếu, lưu đày, đau khổ, nghèo đói và hấp hối. Và Hội Thánh không thể không bày tỏ tình yêu thương đặc biệt đối với những người anh chị em hèn mọn nhất của chúng ta, vì Chúa Giêsu đã bày tỏ mối quan tâm đặc biệt đến họ và đồng hoá với họ. Từ nơi Thánh Giuse, chúng ta cũng phải học cách chăm sóc và trách nhiệm ấy. Chúng ta phải học cách yêu thương Hài nhi và mẹ Người, yêu mến các bí tích và đức bác ái, yêu mến Giáo hội và người nghèo. Mỗi thực tại ấy luôn là Hài nhi và mẹ Người.

6. Một người cha làm việc

Một khía cạnh của Thánh Giuse đã được nhấn mạnh từ khi Đức Giáo hoàng Lêô XIII ban hành Thông điệp xã hội đầu tiên, *Rerum Novarum*, là mối quan hệ của ngài với công việc. Thánh Giuse là một người thợ mộc làm việc lương thiện để nuôi sống gia đình. Nơi Thánh Giuse, Chúa Giêsu đã học được giá trị, phẩm giá và niềm vui của việc ăn miếng bánh là thành quả lao động của chính mình.

Trong thời đại của chúng ta, khi việc làm một lần nữa trở thành một vấn đề xã hội cấp bách, và

tình trạng thất nghiệp đôi khi lên đến mức kỷ lục ngay cả ở các quốc gia đã được hưởng một mức độ thịnh vượng nhất định trong nhiều thập kỷ, thì cần ý thức lại để biết quý trọng việc làm đem lại phẩm giá mà Thánh Giuse là vị bốn mạng mẫu mực.

Việc làm là một phương tiện để tham dự vào công trình cứu chuộc, một cơ hội để làm cho Nước Trời mau đến, để phát triển tài năng và khả năng của chúng ta, và để phục vụ xã hội và tình hiệp thông huynh đệ. Nó trở thành cơ hội để hoàn thiện không chỉ bản thân mình, mà cả tế bào căn bản của xã hội là gia đình. Một gia đình không có việc làm đặc biệt dễ gặp khó khăn, căng thẳng, rạn nứt và thậm chí tan vỡ. Làm sao chúng ta có thể nói về phẩm giá con người mà lại không hành động để bảo đảm cho ai cũng có thể kiếm được một cuộc sống tử tế?

Những người đang làm việc, dù làm việc gì, đều đang hợp tác với chính Thiên Chúa, và theo một cách nào đó trở thành những người sáng tạo thế giới xung quanh chúng ta. Cuộc khủng hoảng của thời đại chúng ta – về kinh tế, xã hội, văn hóa và tinh thần – có thể là lời kêu gọi tất cả chúng ta khám phá lại giá trị, tầm quan trọng và sự cần thiết của việc làm để mang lại một sự “bình thường” mới mà không ai bị loại ra. Việc làm của Thánh Giuse nhắc nhở chúng ta rằng chính Thiên Chúa, khi làm người, đã không khinh thường công việc. Tình trạng mất việc làm vốn ảnh hưởng đến rất nhiều anh chị em của chúng ta và đã gia tăng do hậu quả của đại dịch Covid-19, cần được coi như một lời kêu gọi xét lại các ưu tiên của chúng ta. Chúng ta hãy cầu xin Thánh Giuse Thợ giúp chúng ta tìm ra những cách thể hiện niềm tin vững vàng rằng không một người trẻ nào, không một người nào, không một gia đình nào không có việc làm!

7. Một người cha trong bóng tối

Nhà văn Ba Lan Jan Dobraczyński, trong tác phẩm *“Hình bóng của Chúa Cha”*, [24] đã kể câu chuyện về cuộc đời của Thánh Giuse theo hình thức tiểu thuyết. Ông dùng hình ảnh gợi liên tưởng của một cái bóng để nói về Thánh Giuse. Trong mối tương quan với Chúa Giêsu, Thánh Giuse là hình bóng trần gian của Cha trên trời: Ngài trông nom và bảo vệ Chúa Giêsu, không bao giờ để Chúa Giêsu đi một mình. Chúng ta có thể nghĩ đến những lời của Môsê nói với Israel: “Trong sa mạc ... người đã thấy Đức Chúa là Thiên Chúa người bồng bế người như người ta bồng bế con mình, trên mọi nẻo đường các người đi” (*Đnl* 1,31). Tương tự như vậy, Thánh Giuse đã đóng vai trò một người cha trong suốt cuộc đời của ngài. [25]

Chúng ta không sinh ra là cha, nhưng trở thành người cha. Một người không trở thành cha đơn giản chỉ vì sinh ra một đứa con, nhưng vì đảm nhận trách nhiệm chăm sóc đứa con ấy. Bất cứ khi nào một người nhận trách nhiệm về cuộc sống của một người khác, thì một cách nào đó, họ trở thành cha của người ấy.

Trẻ em ngày nay dường như mồ côi cha. Giáo hội cũng cần có những người cha. Lời thánh Phaolô nói với các tín hữu Côrintô vẫn còn hợp thời: “Dù anh em có vô số người hướng dẫn trong Đức Kitô, nhưng anh em không có nhiều người cha đâu!” (*1 Cr* 4,15). Mỗi linh mục hay giám mục đều

có thể nói thêm, cùng với vị Tông đồ rằng: “Tôi đã trở thành cha của anh em trong Chúa Giêsu Kitô nhờ Phúc âm” (ibid.). Thánh Phaolô cũng nói tương tự như vậy với các tín hữu Galata: “Hỡi các con bé nhỏ của tôi, mà tôi phải quặn đau sinh ra một lần nữa cho đến khi Đức Kitô được thành hình nơi anh em!” (4,19).

Làm cha có nghĩa là đưa con cái đến với cuộc sống và với thực tế. Không giữ chúng lại, không bảo bọc chúng quá đáng hay sở hữu chúng, mà là giúp cho chúng có khả năng tự quyết định, tận hưởng tự do và khám phá những khả năng mới. Có lẽ vì thế mà ngoài danh hiệu cha, truyền thống còn gọi Thánh Giuse là Đấng “cực thanh cực tịnh”. Tước hiệu đó không đơn thuần là một dấu chỉ của lòng yêu mến, mà còn là tóm lược một thái độ đối lập với tính chiếm hữu. Thanh khiết là sự tự do thoát khỏi thái độ chiếm hữu trong mọi lĩnh vực đời sống của mình. Chỉ khi nào tình yêu thanh khiết, đó mới là tình yêu thực sự. Một tình yêu chiếm hữu cuối cùng sẽ trở nên nguy hiểm: nó giam hãm, bóp nghẹt và gây đau khổ. Chính Thiên Chúa đã yêu nhân loại bằng một tình yêu thanh khiết; Ngài để chúng ta được tự do, thậm chí phạm tội và chống lại Ngài. Luận lý của tình yêu luôn là luận lý của tự do, và Thánh Giuse biết cách yêu thương với thái độ tự do phi thường. Ngài không bao giờ biến mình thành trung tâm của mọi sự. Ngài không nghĩ về mình, mà luôn nghĩ về cuộc đời của Mẹ Maria và Chúa Giêsu.

Thánh Giuse tìm được hạnh phúc không phải ở sự hy sinh bản thân mà là ở sự tự hiến. Nơi ngài, chúng ta không bao giờ thấy nổi thất vọng mà chỉ thấy niềm tin tưởng. Sự thinh lặng kiên nhẫn của ngài dẫn tới những thể hiện cụ thể của lòng tin tưởng. Thế giới của chúng ta ngày nay cần những người cha. Nó không chấp nhận những bạo chúa, những kẻ hà hiếp người khác như một phương tiện để bù đắp cho nhu cầu của chính họ. Nó từ chối những người nhằm lẫn quyền hành với độc đoán, phục vụ với từng phục, thảo luận với áp bức, bác ái với trợ giúp, sức mạnh với hủy diệt. Mọi ơn gọi đích thực đều được sinh ra từ việc tự hiến, là hoa trái của sự hy sinh chín chắn. Chức linh mục và đời sống thánh hiến cũng đòi hỏi phải có sự chín chắn như vậy. Dù ơn gọi của chúng ta là gì, kết hôn, độc thân hay sống trinh khiết, việc cho đi chính mình sẽ không thành toàn nếu nó chỉ dừng lại ở sự hy sinh; nếu thế, thay vì trở thành một dấu chỉ của vẻ đẹp và niềm vui của tình yêu, việc cho đi chính mình sẽ có nguy cơ trở thành biểu hiện của bất hạnh, buồn bã và thất vọng.

Khi người cha từ bỏ cảm dỗ sống cuộc sống của con cái mình, những khung cảnh mới mẻ và bất ngờ sẽ mở ra. Mỗi đứa con đều mang trong mình một màu nhiệm độc đáo chỉ có thể được tỏ lộ nhờ sự giúp đỡ của người cha biết tôn trọng quyền tự do của đứa con ấy. Một người cha sẽ nhận ra mình là một người cha và một nhà giáo dục nhất vào lúc mình trở thành “vô dụng”, khi thấy con mình trở nên độc lập và có thể bước đi trên con đường của cuộc đời mà không cần ai đi kèm. Khi người cha ấy trở nên giống như Thánh Giuse, luôn biết rằng con mình không phải là của riêng mình mà chỉ được giao phó cho mình chăm sóc mà thôi. Cuối cùng, đây là điều mà Chúa Giêsu muốn chúng ta hiểu khi Người nói: “Các con đừng gọi ai ở dưới đất là cha, vì các con chỉ có một người Cha ở trên trời” (Mt 23, 9).

Mỗi khi thi hành thiên chức làm cha, chúng ta phải luôn nhớ rằng thiên chức ấy không liên quan gì

đến sự chiếm hữu, mà là một “dấu chỉ” hướng đến một tình phụ tử lớn hơn. Một cách nào đó, tất cả chúng ta đều giống như Thánh Giuse: là cái bóng của Cha trên trời, Đấng “làm cho mặt trời mọc lên trên kẻ dữ cũng như người lành, và làm mưa xuống trên người công chính cũng như kẻ bất lương” (Mt 5,45). Và là cái bóng bước theo Con của Ngài.

* * *

Thiên Chúa nói với Thánh Giuse: “Hãy trỗi dậy, đem Hài nhi và mẹ Người trốn đi” (Mt 2,13).

Mục đích của Tông thư này là làm cho chúng ta thêm lòng yêu mến Thánh cả, khuyến khích cầu xin ngài chuyển cầu cho chúng ta và noi gương các nhân đức và lòng nhiệt thành của ngài.

Thật vậy, sứ mệnh cụ thể của các thánh không chỉ là chuyển ban phép lạ và ơn thánh, nhưng là chuyển cầu cho chúng ta trước mặt Thiên Chúa, như Ápraham [26] và Môsê [27], và như Chúa Giêsu, “Đấng trung gian duy nhất” (1 Tm 2,5), là “Đấng bảo trợ” cho chúng ta trước mặt Chúa Cha (1 Ga 2,1) và là Đấng “hàng sống để chuyển cầu cho chúng ta” (Dt 7,25; x. Rm 8,34).

Các thánh giúp tất cả các tín hữu “phấn đấu nên thánh và theo đuổi sự trọn lành của bậc sống mình”. [28] Cuộc sống của các ngài là bằng chứng cụ thể cho thấy có thể sống Phúc Âm.

Chúa Giêsu đã nói: “Hãy học cùng tôi, vì tôi hiền lành và khiêm nhường trong lòng” (Mt 11,29). Cuộc đời của các thánh cũng là những tấm gương để noi theo. Thánh Phaolô nói rõ điều này: “Anh em hãy bắt chước tôi!” (1 Cr 4,16). [29] Bằng sự thỉnh lạng hùng hồn, Thánh Giuse cũng nói như vậy.

Trước tấm gương của biết bao vị thánh nam và nữ, Thánh Augustinô đã tự hỏi: “Điều các ngài đã làm được, mi không làm được sao?” Và thế là ngài đã dứt khoát hoán cải và thốt lên: “Con đã yêu Chúa quá muộn màng, ôi Vẻ Đẹp vẫn cổ xưa mà luôn tươi mới!” [30]

Vậy chúng ta hãy cầu xin với Thánh Giuse ban cho chúng ta ơn của các ơn: đó là ơn hoán cải.

Giờ đây chúng ta hãy cầu nguyện với ngài:

*Kính chào Đấng Gìn giữ Đấng Cứu Thế,
Bạn trăm năm của Đức Trinh Nữ Maria.
Chúa đã trao Con Một của Chúa cho ngài;
Mẹ Maria đã tin tưởng vào ngài;
Chúa Kitô đã lớn lên thành người cùng với ngài.*

*Lạy Thánh Giuse diễm phúc,
xin cũng hãy tỏ ra ngài là cha của chúng con*

và hướng dẫn chúng con đi trên đường đời.

Xin giúp chúng con đón nhận ân sủng, lòng thương xót và lòng can đảm,
và xin bảo vệ chúng con khỏi mọi sự dữ. Amen.

Ban hành ở Rôma, tại Đền Thờ Latêranô, ngày 8 tháng 12, Đại lễ kính Đức Trinh Nữ Maria Vô
nhiễm Nguyên tội, năm 2020, năm thứ tám triều Giáo hoàng của tôi.

Phanxicô

[1] Lc 4,22; Ga 6,42; cf. Mt 13,55; Mc 6,3.

[2] Thánh bộ Lễ nghi, *Quemadmodum Deus* (8/12/1870): ASS 6 (1870-71), 194.

[3] X. Diễn văn với ACLI (Hiệp hội Công nhân Kitô giáo Italia) trong ngày Lễ trọng kính Thánh
Giuse Thợ (1/05/1955): AAS 47 (1955), 406.

[4] X. Tông huấn *Redemptoris Custos* (15/08/1989): AAS 82 (1990), 5-34.

[5] Sách Giáo lý Hội thánh Công giáo, 1014.

[6] Bài Suy niệm trong thời đại dịch (27/03/2020): *L'Osservatore Romano*, 29 tháng 3 năm 2020,
tr. 10.

[7] Trong *Matthaeum Homiliae*, V, 3: PG 57, 58.

[8] Bài giảng (19/03/1966): *Insegnamenti di Paolo VI*, IV (1966), 110.

[9] X. Tự truyện, 6, 6-8.

[10] Mỗi ngày, trong hơn bốn mươi năm, sau Kinh Sáng, tôi đều đọc một kinh cầu nguyện với
Thánh Giuse trích trong quyển Sách kinh của Pháp vào thế kỷ mười chín của Dòng Nữ tu Chúa
Giêsu và Mẹ Maria. Kinh này nói lên lòng yêu mến và tin tưởng, và thậm chí còn đặt ra một thách
đố cho Thánh Giuse nữa: “Lạy Thánh tổ phụ Giuse vinh hiển, là Đấng có quyền năng biến điều
không thể thành có thể, xin đến cứu giúp con trong những lúc đau khổ và khó khăn này. Xin bảo
vệ con trước những tình thế ngặt nghèo và rắc rối mà con phó thác cho cha đây, hầu có một kết
thúc tốt đẹp. Lạy cha yêu dấu của con, con đặt trọn niềm tin tưởng nơi cha. Xin đừng để người ta

nói rằng con đã cầu xin cha luống công vô ích, và vì cha có thể làm mọi sự với Chúa Giêsu và Mẹ Maria, xin cha cho con thấy rằng lòng nhân hậu của cha cũng vĩ đại như quyền năng của cha. Amen.”

[11] X. *Đnl* 4,31; *Tv* 69,16; 78,38; 86,5; 111,4; 116,5; *Gr* 31,20.

[12] X. Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24/11/2013), 88, 288: AAS 105 (2013), 1057, 1136-1137.

[13] X. *St* 20,3; 28,12; 31,11.24; 40,8; 41,1-32; *Ds* 12,6; *1 Sm* 3,3-10; *Dn* 2,4; *G* 33,15.

[14] Luật quy định phải ném đá trong những trường hợp như vậy (x. *Đnl* 22,20-21).

[15] X. *Lv* 12,1-8; *Xh* 13,2.

[16] X. *Mt* 26,39; *Mc* 14,36; *Lc* 22,42.

[17] Thánh Gioan Phaolô II, Tông huấn *Redemptoris Custos* (15/08/1989), 8: AAS 82 (1990), 14.

[18] *Bài giảng trong Thánh lễ Tuyên phong các Chân phước*, Villavicencio, Colombia (8/09/2017): AAS 109 (2017), 1061.

[19] *Enchiridion de fide, Spe et caritate*, 3.11: PL 40, 236.

[20] X. *Đnl* 10,19; *Xh* 22,20-22; *Lc* 10,29-37.

[21] X. Thánh bộ Lễ nghi, *Quemadmodum Deus* (8/12/1870): ASS 6 (1870-1871), 193; Chân Phước Piô IX, Tông thư *Inclitum Patriarcham* (7/07/1871): *I.c.*, 324-327.

[22] Công đồng Vaticanô II, Hiến chế Tín lý về Giáo hội *Lumen Gentium*, 58.

[23] Sách Giáo lý Hội thánh Công giáo, 963-970.

[24] Ấn bản gốc: *Cień Ojca*, Warsaw, 1977.

[25] X. Thánh Gioan Phaolô II, Tông huấn *Redemptoris Custos*, 7-8: AAS 82 (1990), 12-16.

[26] X. *St* 18,23-32.

[27] X. *Xh* 17,8-13; 32,30-35.

[28] Công đồng Vaticanô II, Hiến chế Tín lý *Lumen Gentium*, 42.

[29] X. 1 *Cr* 11,1; *Pl* 3,17; 1 *Tx* 1,6.

[30] *Tự thuật*, VIII, 11, 27: *PL* 32, 761; X, 27, 38: *PL* 32, 795.